TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Nguyễn Hồng Điệp;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh ngày 01/01/1982, CCCD 091182003136; địa chỉ: số D, tổ G, ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/1986, CCCD 089086011042; địa chỉ: ấp N, xã N, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trương Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống nhau vào năm 2006, hôn nhân do tự tìm hiểu, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 10 năm 2025 thì mâu thuẫn, nguyên nhân ông H thường xuyên ăn nhậu say xỉn, chửi mắng,

bạo hành bà C, cả hai không còn chung sống từ tháng 10 năm 2025 đến nay. Thấy tình cảm không còn bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 18/6/2007, hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trương Thị C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ông H có nơi cư trú ấp N, xã N, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Trương Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Bà Trương Thị C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy, bà C xác định, ông, bà chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình làm việc, bà C xác định trong thời gian vợ chồng sống chung ông H thường xuyên ăn nhậu say xỉn, chửi mắng, bạo hành bà C, cả hai không còn chung sống từ tháng 10 năm 2025 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà C yêu cầu ly hôn và triệu tập ông H tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông H vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà C. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà C và ông H chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết

việc ly hôn thì Tòa án không công nhận bà C và ông H là vợ chồng phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Bà C xác định, trong thời gian chung sống, ông, bà có 01 con chung Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 18/6/2007, hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà C xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà C xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 18/6/2007, hiện con chung đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng, bà Trương Thị C phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 305332 do Thi hành án

dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 4 năm 2026. Bà Trương Thị C đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư